

Bản án số: 62/2023/HS-ST

Ngày: 22-5-2023

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG**

***- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ong Thân Thắng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lãnh Văn Việt – Giáo viên trường Sĩ quan Chính trị (đã nghỉ hưu).

Ông Dương Văn Hiến – Phó Bí thư Huyện đoàn Lục Ngạn.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Ngọc Minh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Vĩnh, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm kín vụ án hình sự thụ lý số: 39/2023/TLST-HS ngày 30 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 32a/2023/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2023; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 115/TB-TA ngày 12 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2023/HSST-QĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lê Xuân T**, sinh ngày 05-7-2003 tại huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 7/12; Con ông Lê T K, sinh năm 1983 (đã chết) và bà Lý Thị K1, sinh năm 1984; Vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 70/2020/HS-ST ngày 26/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xử phạt Lê Xuân T 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2021/HSST ngày 05/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xử phạt Lê Xuân T 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp với hình phạt 09 (chín) tháng tù của

bản án sơ thẩm số 70/2020/HS-ST ngày 26/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Buộc Lê Xuân T phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 24 (hai mươi bốn) tháng tù. Đến lần phạm tội này T đã được xóa án tích.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/01/2023 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

*Người bào chữa của bị cáo:* Ông Thân Văn Lợi – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

- *Bị hại:*

1. Cháu Vũ Thị Th, sinh ngày 24/10/2008. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

*Người đại diện hợp pháp của cháu Vũ Thị Th:* Chị Vũ Thị H, sinh năm 1989 (là mẹ đẻ cháu Th). Có mặt.

Địa chỉ: Thôn X, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại cháu Vũ Thị Th:* Bà Trần Thu Thủy – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

2. Cháu Vi Thị V, sinh ngày 03/5/2008. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

*Người đại diện hợp pháp của cháu Vi Thị V:* Ông Vi Văn H1, sinh năm 1964 và bà Đào Thị D, sinh năm 1964 (là cha, mẹ đẻ cháu V). Vắng mặt.

Đều địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Vi Văn H1 và bà Đào Thị D:* Anh Vi Văn M, sinh năm 1995. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 15/01/2023).

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại cháu Vi Thị V:* Bà Nguyễn Hải Linh – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bắc Giang. Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phan Thị Y, sinh năm 1959. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Ông Hoàng Văn V1, sinh năm 1965. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1965. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

4. Anh Nguyễn Duy Th1, sinh năm 1986. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

5. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1985. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Đoàn xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang: Ông **Vũ Thế P** – Bí thư Đoàn xã T. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 06/01/2023, Công an xã T, huyện Lục Ngạn tiếp nhận đơn trình báo của chị Vũ Thị H, sinh năm 1989, trú tại thôn X, xã T, huyện L về việc con gái của chị H là cháu Vũ Thị Th, sinh ngày 24/10/2008, trú tại thôn X, xã T, huyện L, đi chơi cùng với cháu Vi Thị V, sinh ngày 03/5/2008, trú tại thôn Đ, xã T, huyện L, qua đêm từ ngày 05/01/2023 đến sáng hôm sau chưa thấy về nhà, gia đình chị H đã tổ chức đi tìm, đến 09 giờ ngày 06/01/2023, chị H mới tìm thấy cháu Th, chị H gắng hỏi thì cháu Th nói là đi cùng với V lên nhà Lê Xuân T, sinh năm 2003, trú tại thôn P, xã P, huyện L chơi, qua đó T đã quan hệ tình dục với Th 03 (ba) lần. Cùng ngày, bị hại là cháu Vi Thị V cũng có đơn trình báo Công an huyện Lục Ngạn về việc Lê Xuân T có quan hệ tình dục với cháu V 02 lần.

Ngày 06/01/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Lục Ngạn đưa cháu Vũ Thị Th khám phụ khoa tại Trung tâm Y tế huyện Lục Ngạn, kết quả xác định: Âm hộ, âm đạo bình thường, màng trinh giãn rộng, âm đạo có dịch trắng. Kết quả soi âm đạo: Tìm thấy xác tinh trùng. Tại thời điểm khám phụ khoa không phát hiện có thai nhi trong tử cung. Tiến hành dùng tăm bông thu trực tiếp mẫu dịch âm đạo trong tử cung cháu Th niêm phong để giám định.

Sau khi tiếp nhận đơn trình báo của chị Vũ Thị H và cháu Vi Thị V, Công an xã T đã báo cáo sự việc với Công an huyện Lục Ngạn và phối hợp với Công an xã Phi Điền tiến hành triệu tập Lê Xuân T để đấu tranh làm rõ hành vi phạm tội. Tại Cơ quan điều tra, Lê Xuân T đã xin đầu thú và khai nhận về hành vi quan hệ tình dục nhiều lần với 02 cháu là Vũ Thị Th và Vi Thị V.

Quá trình điều tra đã xác định Lê Xuân T đã 05 lần có hành vi giao cấu (quan hệ tình dục) với cháu Vũ Thị Th và 02 lần giao cấu với cháu Vi Thị V, cụ thể như sau:

\* Đối với hành vi giao cấu của Lê Xuân T với cháu Vũ Thị Th:

Lần thứ nhất: Vào buổi tối tháng 12/2022, khoảng 20 giờ đến 21 giờ (không nhớ ngày cụ thể), Lê Xuân T đi chiếc xe mô tô dạng xe Wave, màu xanh, biển kiểm soát 98K1-3623 (T mượn của bà nội là Phan Thị Y, sinh năm 1959, trú tại thôn P, xã P, huyện L), còn cháu Th đi xe đạp điện, hẹn gặp nhau tại nhà văn hóa thôn X, xã T, huyện L. Sau đó cháu Th và T đã quan hệ tình dục tại hiên nhà văn hóa, trong tư thế cháu Th đứng để T quan hệ tình dục, T dùng tay tự cởi quần và kéo quần dài, quần lót của cháu Th xuống đến đầu gối chân, Sau đó T dùng tay

cầm đưa dương vật của mình đang cương cứng vào trong âm hộ của cháu Th, cháu Th tự nguyện để T giao cấu.

Lần thứ hai: Khoảng tháng 12/2022 (không nhớ rõ ngày), cháu Th và cháu V đi lên sân bóng đá thuộc thôn K, xã H, huyện L chơi. Sau đó cháu V gọi cho T và rủ xuống đó chơi, nhận được cuộc gọi T đồng ý và hỏi mượn chiếc xe mô tô của bà nội để đi đến chỗ hẹn. Đến nơi, cả ba ngồi chơi ở đó một lúc, thì cháu V đi xe đạp điện về trước, Th ở lại chơi với T. Đến khoảng 13 cùng ngày, T đưa cháu Th vào một ngõ vắng, cách ngã ba K, xã H khoảng 500m về hướng Sơn Động ở bên tay trái, tại đây T tự cởi quần của mình rồi kéo quần dài và quần lót của Th đến ngang đầu gối, bảo Th ngồi trên yên xe, hai chân dang ra, T đứng và dùng tay cầm đưa dương vật của mình đang cương cứng vào âm hộ của Th, quan hệ một lúc sau, thì xuất tinh vào bên trong âm đạo của Th. Sau khi quan hệ xong T đưa Th về nhà, sau đó T đi về.

Lần thứ ba, bốn, năm: Ngày 05/01/2023, Th cùng V đi xe đạp điện đến nhà T để chơi. Sau đó T dùng chiếc xe mô tô mượn của bà nội để chở Th và V đến hồ - đập D, xã Đ, huyện L chơi. Đến tối cùng ngày T bảo đưa Th và V về thì cả hai không muốn về, nên T đưa vào nhà nghỉ Hoàng T ở thôn N, xã H, huyện L để ngủ, nhưng do T không có tiền nên không thuê phòng được. Sau đó, T đưa Th và V vào nhà ông Hoàng Văn V1, sinh năm 1965, trú tại thôn C, xã P, huyện L để ngủ. Do biết ông V1 hay say rượu nên T vào xin ngủ nhờ, ông V1 đồng ý thì T cùng V và Th vào ngủ. Ông V1 ngủ trên giường còn T trải chiếu cói cùng V và Th nằm ngủ dưới đất, T và V ngủ hai bên còn Th ngủ ở giữa. Tại đây Lê Xuân T đã quan hệ tình dục với Th 03 (ba) lần, cụ thể:

- Khoảng 23 giờ ngày 05/01/2023, T nói thầm với Th “Cho tao cái” (ý là cho quan hệ tình dục) Th hiểu ý của T nói vậy là cho T quan hệ tình dục, thì Th nói “Ừ” rồi T và Th nằm nghiêng ôm, hôn nhau, T dùng tay cởi quần dài và quần lót của Th ra. Rồi T tự cởi quần của T ra và dùng tay phải cầm đưa dương vật của mình đang cương cứng vào âm hộ của Th, quan hệ được khoảng 10 phút thì T xuất tinh vào bên trong âm đạo của Th, xong cả hai mặc quần lại và ngủ.

- Khoảng 10 phút sau, thì T lại tiếp tục ôm, hôn, cởi quần như lần trước thực hiện quan hệ tình dục với Th, quan hệ khoảng 10 phút thì T xuất tinh trùng vào bên trong âm đạo của Th.

- Đến rạng sáng (khoảng 04 giờ) ngày 06/01/2023, T tiếp tục ôm, hôn, cởi quần như lần trước thực hiện quan hệ tình dục với Th, quan hệ khoảng 10 phút thì T xuất tinh trùng vào bên trong âm đạo của Th. Đến sáng thì T đưa Th và V về nhà T lấy xe đạp điện rồi sau đó Th và V đi xe đạp điện về nhà.

\* Hành vi giao cấu của Lê Xuân T với cháu Vi Thị V:

Lần thứ nhất: Khoảng gần 20 giờ ngày 24/12/2022, T đi chiếc xe mô tô mượn của bà Phan Thị Y đến nhà cháu V để đón V đi chơi Noel. Khi đón được V thì T đưa V đi chơi ở thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, đến khoảng 21 giờ cùng ngày T đưa V đến nhà nghỉ Hoàng T ở thôn N, xã H, huyện L, mục đích là để quan hệ tình dục. Đến nơi T để mô tô ở đằng sau nhà nghỉ rồi đưa V đi thuê phòng. T và V

đi lên phòng 205 ở tầng 2 của nhà nghỉ. Sau đó T và V lên giường nằm, T ôm V, rồi hôn nhưng V không cho thì T dùng tay phải sờ ngực (02 bên vú) của V qua áo, T định cởi áo nhưng V không cho. Sờ ngực V một lúc, T dùng tay phải cởi quần dài và quần lót của V và dùng tay phải sờ âm đạo của V. Lúc này V nói “Đừng nghịch như thế” thì T tự cởi quần của T ra và nằm đè lên người V. V trong tư thế nằm ngửa, rồi T dùng tay phải cầm đưa dương vật đang cương cứng vào âm hộ của V thì V kêu “Đau”, T và V quan hệ khoảng 10 phút thì T xuất tinh vào trong âm đạo của V. Sau đó tự mặc quần áo, trả phòng và đi về.

Lần thứ hai: Cách lần thứ nhất khoảng 05 ngày, T vẫn đi chiếc xe mô tô mượn của bà Phan Thị Y đến nhà V để đón đi chơi. Khoảng 20 giờ cùng ngày T đưa V đến nhà nghỉ H ở Tổ dân phố L, thị trấn C, huyện L, với mục đích là để quan hệ tình dục. Đến nơi T và V lên phòng 201, cả hai lên giường nằm, T ôm hôn và dùng tay sờ ngực của V qua áo. một lúc T cởi quần dài và quần lót của V, xong T tự cởi quần của mình ra, rồi T nằm lên người V và đưa dương vật đang cương cứng vào âm đạo của V. T và V quan hệ tình dục được khoảng 10 phút thì T xuất tinh vào trong âm đạo của V. Quan hệ xong T trả phòng và đưa V về nhà.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Xuân T đã thành khẩn khai nhận đã 07 lần thực hiện hành vi giao cấu với cháu Th và cháu V như nêu trên.

Sau khi vụ việc xảy ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn đã tiến hành khám nghiệm hiện trường nơi xảy ra các lần giao cấu giữa Lê Xuân T với 02 cháu Vũ Thị Th và Vi Thị V:

- Hiện trường tại nhà ông Hoàng Văn V1, sinh năm 1965, tại thôn C, xã P, huyện L. Căn nhà được xây kiên cố dạng nhà cấp bốn, phía trên lập mái ngói (loại ngói đất nung). Nhà có cổng vào hướng Tây, tiếp giáp với đường bê tông (Cổng không có cánh cổng). Căn nhà được bố trí 02 cửa ra vào tại hướng Nam và hướng Tây. Tại góc Tây Bắc của căn nhà là bếp.

Nơi xảy ra sự việc được xác định tại phòng ở hướng Nam của căn nhà. Xem xét phía trong phòng ghi nhận tại hướng Nam và hướng Tây là 02 cửa ra vào. Tại góc Đông Nam của căn nhà được bố trí 01 giường ngủ kích thước (2x1,55)m. Tại góc tường Đông Bắc của phòng được bố trí 01 tủ gỗ. Bên cạnh tủ gỗ sát bức tường hướng Bắc của phòng có 01 chiếc bàn (loại bàn gấp).

Tại vị trí dưới sàn nhà có trải 01 chiếu cói màu vàng đã cũ. Chiếu được trải một đầu sát với bức tường hướng Nam. Mép chiếu bên phải (theo hướng nhìn đối diện từ ngoài vào) cách bức tường hướng Bắc của phòng là 1,3m. Phía trên chiếu có 01 vỏ chăn nhưng có họa tiết đỏ, vàng, xanh và 01 chăn bông màu vàng.

- Hiện trường được xác định tại nhà văn hóa thôn X, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang: Hiện trường cụ thể được xác định tại khu vực hiên nhà văn hóa có diện tích (8x1,5)m. Vị trí ký hiệu số (1) thuộc khu vực hiên bên phải hướng từ ngoài vào trong là vị trí Lê Xuân T và Vũ Thị Th quan hệ tình dục.

- Hiện trường được xác định tại nhà nghỉ Hoàng T thuộc thôn N, xã H, huyện L: Hiện trường cụ thể được xác định tại phòng 205 tầng 2 của nhà nghỉ Hoàng Thành, phòng 205 có diện tích 18m<sup>2</sup> được bố trí giường, bàn, ghế uống

nước và nhà vệ sinh. Vị trí ký hiệu số (1) là vị trí giường nơi Lê Xuân T và Vi Thị V đã quan hệ tình dục.

- Hiện trường được xác định tại nhà nghỉ trọ Hoa Sen thuộc TDP L, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang: Hiện trường cụ thể được xác định tại phòng 201 tầng 2 của nhà nghỉ Hoa Sen, phòng 201 có diện tích (5,6x3,6)m<sup>2</sup> được bố trí giường, bàn, ghế uống nước và nhà vệ sinh. Vị trí ký hiệu số (1) là vị trí giường nơi Lê Xuân T và Vi Thị V đã quan hệ tình dục.

Ngày 06/01/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn ra Quyết định trưng cầu giám định số 23/QĐ-CSĐT gửi đến Trung tâm pháp y - Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang để giám định mức độ xâm hại tình dục đối với Vũ Thị Th.

Ngày 11/01/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn nhận được Bản kết luận giám định pháp y đối với trẻ em bị hoặc nghi bị xâm hại tình dục số 1158/23/TDTE của Trung tâm pháp y - Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang, nội dung kết luận như sau:

*“1. Dấu hiệu chính qua giám định:*

- *Lông mu: Phát triển bình thường.*
- *Môi lớn, môi bé: Không bầm tím, không tổn thương.*
- *Tiền đình: Không bầm tím, không tổn thương.*
- *Âm hộ: Không bầm tím, không tổn thương.*
- *Màng trinh: Giãn rộng, rách cũ vị trí 5 giờ.*
- *Âm đạo: Không bầm tím, không tổn thương.*
- *Tàng sinh môn: Không bầm tím, không tổn thương.*
- *Hậu môn: Không bầm tím, không tổn thương.*
- *Siêu âm tử cung phần phụ: Hiện tại chưa phát hiện bất thường trên siêu âm.*
- *Xét nghiệm dịch âm đạo: Không thấy hình ảnh tinh trùng.*
- *Test HCG: Âm tính.*

*2. Kết luận: Mànng trinh: Giãn rộng, rách cũ vị trí 5 giờ.*

*3. Kết luận khác: Hiện tại Vũ Thị Th không có thai. Xét nghiệm dịch âm đạo: Không thấy hình ảnh tinh trùng”.*

Ngày 06/01/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn ra Quyết định trưng cầu giám định số 24/QĐ-CSĐT gửi đến Trung tâm pháp y - Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang để giám định mức độ xâm hại tình dục đối với Vi Thị V.

Ngày 11/01/2023, Trung tâm pháp y - Bệnh viện đa khoa tỉnh Bắc Giang có Bản kết luận giám định pháp y đối với trẻ em bị hoặc nghi bị xâm hại tình dục số 1159/23/TDTE, nội dung kết luận như sau:

*“1. Dấu hiệu chính qua giám định:*

- *Lông mu: Phát triển bình thường.*
- *Môi lớn, môi bé: Không bầm tím, không tổn thương.*
- *Tiền đình: Không bầm tím, không tổn thương.*
- *Âm hộ: Không bầm tím, không tổn thương.*
- *Màng trinh: Hình khế, giãn rộng, không rách.*
- *Âm đạo: Không bầm tím, không tổn thương.*
- *Tàng sinh môn: Không bầm tím, không tổn thương.*
- *Hậu môn: Không bầm tím, không tổn thương.*
- *Siêu âm tử cung phân phụ: Hiện tại chưa phát hiện bất thường trên siêu âm.*
- *Xét nghiệm dịch âm đạo: Không thấy hình ảnh tinh trùng.*
- *Test HCG: Âm tính.*

*2. Kết luận: Màn trinh: Hình khế, giãn rộng, không rách.*

*3. Kết luận khác: Hiện tại Vi Thị V không có thai. Xét nghiệm dịch âm đạo: Không thấy hình ảnh tinh trùng.”*

Ngày 12/01/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn ra Quyết định trưng cầu giám định số 29/QĐ-CSĐT gửi đến Viện Pháp y Quân đội để giám định ADN để xác định mẫu dịch âm đạo được thu từ âm đạo cháu Vũ Thị Th có trùng với mẫu ADN của Lê Xuân T không.

Ngày 01/02/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn nhận được Kết luận giám định ADN số HT14.23/PY-XNSH của Viện Pháp y Quân đội, nội dung kết luận như sau: *“Dấu vết trên tấm bông thu mẫu dịch âm đạo của chị Vũ Thị Th gửi giám định có ADN nhiễm sắc thể Y, trùng khớp với ADN nhiễm sắc thể Y từ mẫu tóc của anh Lê Xuân T.”*

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra gia đình cháu Vũ Thị Th và Vi Thị V yêu cầu bị cáo Lê Xuân T phải bồi thường tiền tổn thất tinh thần, danh dự nhân phẩm cho 02 cháu, cụ thể cháu Th và gia đình yêu cầu T phải bồi thường số tiền 20.000.000 đồng, gia đình cháu V yêu cầu T bồi thường 10.000.000 đồng. Đến nay T chưa bồi thường gì.

\* Từ những nội dung nêu trên, bản Cáo trạng số 43/CT-VKS-HS ngày 29 tháng 3 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Lê Xuân T về tội *“Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”* quy định tại điểm a, điểm b, khoản 2, Điều 145-Bộ luật Hình sự.

\* Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã truy tố. Bị cáo có quan hệ tình cảm yêu đương với cả Vũ Thị Th và Vi Thị V. Từ tháng 12/2022 đến ngày 06/01/2023, bị cáo đã có hành vi quan hệ tình dục với cháu Vũ Thị Th (05 lần) và cháu Vi Thị V (02 lần). Tại thời điểm quan hệ thì cháu Th và

cháu V chưa đủ 16 tuổi. Bị cáo đồng ý bồi thường tổn thất tinh thần cho cháu Vũ Thị Th là 14.900.000 đồng và bồi thường tổn thất tinh thần cho cháu Vi Thị V là 10.000.000 đồng.

- Người đại diện hợp pháp của cháu Th là chị Vũ Thị H giữ nguyên lời khai đã trình bày trong quá trình điều tra. Chị đã thông báo cho Lê Xuân T biết con gái của chị là cháu Vũ Thị Th chưa đủ 16 tuổi, gia đình chị cũng đã ngăn cấm mối quan hệ giữa cháu Th và Thành. Ngày 05/01/2023, do không tìm thấy cháu Th nên chị đã làm đơn trình báo. Sáng ngày 06/01/2023, chị thấy cháu Th đi cùng cháu V và Thành. Chị đã đưa cháu đi kiểm tra tại Bệnh viện. Tại phiên tòa, chị Hương thay đổi mức bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho cháu Th, chỉ yêu cầu bị cáo phải bồi thường với số tiền tương ứng 10 tháng lương cơ sở là 14.900.000 đồng.

- Bị hại cháu Vi Thị V, người đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của cháu V là anh Vi Văn M giữ nguyên lời khai đã trình bày trong quá trình điều tra. Tại phiên tòa, cháu V và anh M yêu cầu bị cáo phải bồi thường tiền tổn thất tinh thần cho cháu V với số tiền là 10.000.000 đồng.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của những người này trong quá trình điều tra. Bị cáo, bị hại không có ý kiến gì về lời khai của những người này.

\* Sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang vẫn giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Lê Xuân T và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm a, điểm b, khoản 2, Điều 145; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 38-Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Lê Xuân T từ 05 (Năm) năm tù đến 05 (Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 06/01/2023).

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48- Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 592- Bộ luật Dân sự năm 2015: Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, cụ thể: bị cáo Lê Xuân T phải bồi thường tiền tổn thất do danh dự, nhân phẩm bị xâm hại cho cháu Vũ Thị Th do chị Vũ Thị H là đại diện hợp pháp số tiền 14.900.000 đồng và buộc bị cáo Lê Xuân T phải bồi thường tiền tổn thất do danh dự, nhân phẩm bị xâm hại cho cháu Vi Thị V do anh Vi Văn M là đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của cháu V số tiền 10.000.000 đồng.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136-Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ, khoản 1, Điều 12-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn cho bị cáo Lê Xuân T không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra còn đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung và đề nghị tuyên quyền kháng cáo cho người tham gia tố tụng.



\* Người bào chữa của bị cáo trình bày luận cứ bào chữa: Nhất trí với nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn và bản Luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình sự đối với bị cáo. Thực trạng xã hội hiện nay, nhận thức của một bộ phận giới trẻ, trẻ em chưa đầy đủ, hoàn thiện. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nhân thân, hoàn cảnh của bị cáo, bị cáo có bố đẻ chết sớm, mẹ đẻ bỏ đi từ nhỏ, bị cáo sống cùng bà nội, ông nội bị cáo mới chết để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo và xử phạt bị cáo từ 04 (Bốn) năm 06 (Sáu) tháng tù cũng để tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại thỏa thuận được về mức bồi thường dân sự nên không có ý kiến gì.

\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại Vũ Thị Th và Vi Thị V đều trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để xét xử nghiêm minh, đúng người, đúng tội, phù hợp với quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự, tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại thỏa thuận được về mức bồi thường dân sự nên không có ý kiến gì.

\* Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại không tranh luận nội dung gì thêm đối với đại diện Viện kiểm sát.

\* Thực hiện lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình, xã hội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại Vũ Thị Th vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy trong hồ sơ đã có đầy đủ lời khai thể hiện quan điểm của họ và sự vắng mặt của họ không gây ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ vào Điều 293-Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người này.

[3] Về những chứng cứ xác định bị cáo có tội và áp dụng pháp luật hình sự đối với bị cáo: Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lục Ngạn, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết luận giám định, biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong

hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng tháng 12/2022 đến ngày 05/01/2023, Lê Xuân T đã 05 lần có hành vi giao cấu (quan hệ tình dục) với cháu Vũ Thị Th, sinh ngày 24/10/2008 và 02 lần giao cấu với cháu Vi Thị V, sinh ngày 03/5/2008. Tại thời điểm T quan hệ tình dục với cháu Th và cháu V thì hai cháu chưa đủ 16 tuổi. Hành vi nêu trên của bị cáo Lê Xuân T đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*” theo quy định tại điểm a, điểm b, khoản 2, Điều 145-Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo về tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*” quy định tại điểm a, điểm b, khoản 2, Điều 145-Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định pháp luật.

[4] Về tính chất của vụ án: Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe, danh dự, sự phát triển bình thường về thể chất, tâm sinh lý của người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Do vậy cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm nói chung. Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định mức án phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy:

[5.1] Về nhân thân: Bị cáo Lê Xuân T là người có nhân thân xấu, đã hai lần bị Tòa án xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng không lấy đó làm bài học, tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Tại thời điểm bị kết án tại hai bản án trước, bị cáo Lê Xuân T là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi bị kết án về tội phạm ít nghiêm trọng. Căn cứ quy định tại Điều 107-Bộ luật Hình sự thì bị cáo được coi là chưa có án tích.

[5.2] Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại Điều 52- Bộ luật Hình sự. Việc đại diện Viện kiểm sát rút tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nêu trong Cáo trạng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, thấy rằng bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51-Bộ luật Hình sự. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, cần chấp nhận.

[6] Về mức hình phạt đối với bị cáo: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, đã xâm hại đến sự phát triển bình thường về thể chất và tâm sinh lý của trẻ em trong độ tuổi từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội, ảnh hưởng xấu đến thuần phong mỹ tục. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cách ly bị cáo Lê Xuân T ra khỏi xã hội một thời gian như mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát để cải tạo bị cáo thành

công dân tốt, có ích cho xã hội và không có căn cứ chấp nhận mức đề nghị của người bào chữa của bị cáo.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4, Điều 145-Bộ luật Hình sự thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

[8] Về những vấn đề khác:

[8.1] Đối với ông Hoàng Văn V1, sinh năm 1965, trú tại thôn C, xã P, huyện L, đã đồng ý cho Lê Xuân T, Vũ Thị Th và Vi Thị V ngủ nhờ tại nhà. Tuy nhiên ông V1 không biết việc Lê Xuân T với mục đích quan hệ tình dục với Vũ Thị Th nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với ông V1 là phù hợp.

[8.2] Đối với bà Phan Thị Y, sinh năm 1959, trú tại thôn P, xã P, huyện L, là bà nội của Lê Xuân T, đã cho T mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98K1-3623. Quá trình điều tra xác định bà Y không biết T lấy xe đưa Th và V đi chơi để quan hệ tình dục nên Cơ quan điều tra không xử lý bà Y, Hội đồng xét xử thấy là có căn cứ.

[8.3] Đối với chủ nhà nghỉ Hoàng T và chủ nhà nghỉ Hoa Sen, có cho T thuê phòng nghỉ. Tuy nhiên cả 02 chủ nhà nghỉ này đều không biết T thuê phòng để quan hệ tình dục trái pháp luật, nên không đặt ra xem xét xử lý.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử thấy thiệt hại về danh dự, nhân phẩm bị xâm hại của cháu Vũ Thị Th và Vi Thị V do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nên yêu cầu bồi thường của bị hại có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa, bị cáo tự nguyện bồi thường cho cháu Th và cháu V nên cần công nhận sự thỏa thuận của bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, cụ thể: bị cáo Lê Xuân T bồi thường tiền tổn thất do danh dự, nhân phẩm bị xâm hại cho cháu Vũ Thị Th do chị Vũ Thị H là đại diện hợp pháp số tiền 14.900.000 đồng và bị cáo Lê Xuân T bồi thường tiền tổn thất do danh dự, nhân phẩm bị xâm hại cho cháu Vi Thị V do anh Vi Văn M là đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của cháu V số tiền 10.000.000 đồng. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về trách nhiệm dân sự phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[10] Về án phí: Áp dụng điểm đ, khoản 1, Điều 12-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn cho bị cáo Lê Xuân T không phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm do là thành viên hộ cận nghèo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có phù hợp.

[11] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, Điều 333-Bộ luật Tố tụng hình sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Áp dụng điểm a, điểm b, khoản 2, Điều 145; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 107; Điều 38-Bộ luật Hình sự; Điều 423, Điều 425-Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lê Xuân T 05 (Năm) năm tù về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 06/01/2023).

Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo Lê Xuân T.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48- Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 592- Bộ luật Dân sự năm 2015: Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, cụ thể:

- Bị cáo Lê Xuân T bồi thường tiền tổn thất do danh dự, nhân phẩm bị xâm hại cho cháu Vũ Thị Th (do chị Vũ Thị H là đại diện hợp pháp) số tiền 14.900.000 đồng (Mười bốn triệu, chín trăm nghìn đồng).

- Bị cáo Lê Xuân T bồi thường tiền tổn thất do danh dự, nhân phẩm bị xâm hại cho cháu Vi Thị V (do anh Vi Văn M là đại diện theo ủy quyền của người đại diện hợp pháp của cháu V) số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

- Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đến thời hạn thanh toán, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành án không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2, Điều 468- Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tiền trên số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí: Áp dụng điểm đ, khoản 1, Điều 12-Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Lê Xuân T.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333-Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9- Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang;
- Công an huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Công thông tin điện tử TANDTC;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

## **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Ong Thân Thắng**